

SỐ HỢP ĐỒNG: 60652073

NGÀY HIỆU LỰC: 08/11/2024

THÔNG TIN KHÁCH HÀNG



HỌ VÀ TÊN	VAI TRÒ	NGÀY SINH	TUỔI	GIỚI TÍNH	MỐI QUAN HỆ
NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	BÊN MUA BẢO HIỂM	03/12/1976	48	Nữ	Mẹ/con
ĐÀO QUANG MINH	NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM CHÍNH	15/02/2003	21	Nam	Mẹ/con

KẾ HOẠCH BẢO HIỂM

[CLICK VÀO TÊN SẢN PHẨM ĐỂ XEM ĐIỀU KHOẢN](#)

QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	SỐ TIỀN BH	SỐ PHÍ BH	THỜI HẠN BH	DIỄN GIẢI CHI TIẾT
Quỹ dự phòng rủi ro	3.000.000.000	20.130.000	Đến 99 tuổi	Bảo vệ đến năm 99 tuổi, chi trả 3.000.000.000đ cộng với Giá trị tài khoản Hợp đồng khi NDBH Tử vong
Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn	3.000.000.000	Đính kèm sản phẩm chính	Đến 70 tuổi	Trường hợp NDBH bị thương tật toàn bộ vĩnh viễn: chi trả 3.000.000.000đ cộng với Giá trị tài khoản Hợp đồng
Tử vong và thương tật do tai nạn	500.000.000	1.568.000	Đến 75 tuổi	Bảo vệ trong các trường hợp sau: <ul style="list-style-type: none">Thương tật do tai nạn: Tối đa 500.000.000đ, theo mức độ thương tậtBồng nghiêm trọng do tai nạn: tối đa 500.000.000đ, theo mức độ bongChấn thương nội tạng: Tối đa 500.000.000đ, theo mức độ tổn thươngGãy xương do tai nạn: tối đa 500.000.000đ, theo mức độ tổn thươngVận chuyển cấp cứu do Tai nạn: 2.500.000đ/tai nạnTử vong do tai nạn khác: 500.000.000đ; Tử vong do tai nạn trên phương tiện giao thông công cộng/trong thang máy/hỏa hoạn tại các toàn nhà công cộng: 1.000.000.000đ; Tử vong khi di chuyển trên các chuyến bay: 1.500.000.000đ
Bệnh hiểm nghèo	500.000.000	2.160.000	Đến 51 tuổi	Bảo vệ NDBH khi mắc bệnh hiểm nghèo, cụ thể: <ul style="list-style-type: none">Giai đoạn đầu: 125.000.000đ/bệnh. Tối đa 2 bệnhGiai đoạn sau: 500.000.000đ/bệnh. Tối đa 5 bệnhBiến chứng tiểu đường: 125.000.000đ
Thẻ VITA - Sức khỏe vàng - phiên bản 3 NỘI TRÚ - V.I.P	1.200.000.000	7.016.000	Đến 85 tuổi	Bảo lãnh thanh toán tại các Bệnh viện uy tín Toàn Cầu (Trừ Hoa Kỳ): <ul style="list-style-type: none">Hạn mức hàng năm: 1.200.000.000đQuyền lợi nhân đôi hạn mức (để điều trị nội trú các bệnh Ung thư, đột quy, nhồi máu cơ tim: Tối đa 1.200.000.000đ 1. Viện phí và các chi phí y tế: <ul style="list-style-type: none">Điều trị Có Phẫu thuật: 720.000.000đ/đợt; Không phẫu thuật: 360.000.000đTiền giường: 6.000.000đ/ngày;Chi phí phòng chăm sóc đặc biệt; Chi phí phẫu thuật, điều trị nội trú khác, chi phí điều trị trước nằm viện, sau xuất viện: Theo chi phí y tế thực tếHỗ trợ người nuôi bệnh nhân: 6.000.000đ/ngàyChăm sóc y tế tại nhà: 1.000.000đ/ngày. Tối đa 30 ngày/nămTrợ cấp nằm viện tại bệnh viện công lập: 500.000đ/ngày. Tối đa 30 ngày/nămChi phí vật lý trị liệu: 10.000.000đ/năm; Vận chuyển cấp cứu: Theo chi phí y tế thực tế 2. Cấy ghép nội tạng (Thận, tim, gan, phổi, tụy, tủy, xương): <ul style="list-style-type: none">Người nhận tạng: Theo chi phí y tế thực tếNgười hiến tạng: 600.000.000đ/năm 3. Điều trị ung thư, đột quy, nhồi máu cơ tim: theo chi phí y tế thực tế
Thẻ VITA - Sức khỏe vàng - phiên bản 3 NGOẠI TRÚ - TIÊU CHUẨN	15.000.000	1.802.000	Đến 85 tuổi	Bảo lãnh thanh toán tại các Bệnh viện, phòng khám tại Việt Nam: <ul style="list-style-type: none">Chi phí điều trị ngoại trú theo Tây Y: 1.500.000đ/lầnChi phí điều trị ngoại trú theo Đông Y: 650.000đ/lần
Thẻ VITA - Sức khỏe vàng - phiên bản 3 NHA KHOA - TIÊU CHUẨN	5.000.000	2.279.000	Đến 85 tuổi	Bảo lãnh thanh toán tại các Bệnh viện, phòng khám tại Việt Nam: <ul style="list-style-type: none">Chi phí kiểm tra, cạo vôi răng: 500.000đ/lần. Tối đa 2 lần/nămChi phí khám và điều trị răng khác: Theo chi phí y tế thực tế



BẢNG TÓM TẮT QUYỀN LỢI GEN - ĐẦU TƯ NHƯ Ý

SMARTLIFE GROUP
Hotline: 0941 36 0000
NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG
Phone/zalo: 0982413733

Miễn đóng phí bệnh hiểm nghèo mở rộng	500.000.000	749.000	Đến 75 tuổi	Khi được chuẩn đoán mắc bệnh hiểm nghèo: Generali sẽ thay BMBH đóng phí phải đóng trong tương lai của HĐ kể từ ngày đến hạn đóng phí kế tiếp ngay sau ngày bảo hiểm bổ trợ này được chấp thuận chi trả
---------------------------------------	-------------	---------	-------------	--

MỨC PHÍ ĐỊNH KỲ

PHÍ BẢO HIỂM NĂM	NĂM ĐÓNG PHÍ	CÁC QUYỀN LỢI THƯỜNG
35.704.000 Đ	Dự kiến 20 năm	<ul style="list-style-type: none">- Thưởng định kỳ: Cuối năm hợp đồng thứ 06, 09, 12, 15, 18, quyền lợi thưởng định kỳ được phân bổ vào TKCB: 4% giá trị bình quân của giá trị TKCB tại ngày kỷ niệm tháng hợp đồng của 36 tháng hợp đồng liền kề trước thời điểm chi trả- Thưởng đặc biệt: Cuối năm hợp đồng thứ 10, 15, 20 quyền lợi thưởng đặc biệt được phân bổ vào tài khoản đóng thêm theo tỷ lệ % phí bảo hiểm của năm hợp đồng đầu tiên tại thời điểm phát hành hợp đồng, tương ứng với từng lựa chọn bảo vệ. Bảo vệ 200: Năm 10:100%; Năm 15: 100%; Năm 20: 200%